TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2024
V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật

2. Bà Vũ Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nông Thị C, sinh năm 1990

Nơi ĐKTT: xóm Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: tổ C, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Vương Văn T, sinh năm 1985

Nơi ĐKTT: xóm Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: tổ C, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2024 bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 11/6/2024 nguyên đơn Nông Thị Chinh bày:

Bà và ông Vương Văn T xây dựng gia đình vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là xã P, huyện Q), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thông qua tin nhắn điện thoại bà nghi ngờ ông T có quan hệ ngoại tình với người khác. Sự việc đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Ông bà đã ly thân từ tháng

5/2018 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng đã cố gắng hoà giải nhưng không thành nên bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được và có nguyện vọng được ly hôn với ông Vương Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Vương Đức M, sinh ngày 27/10/2015 (giới tính: Nam) hiện nay đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 11/6/2024 bị đơn Vương Văn T xác nhận về điều kiện và thời gian kết hôn như bà T1 trình bày, kể từ khi kết hôn ông là người lo cho bà C các chi phí đi học và sinh hoạt, từ năm 2018 bà C được tuyển dụng vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh C thường xuyên đi sớm, về khuya và có thái độ không tôn trọng chồng và xâm phạm quyền riêng tư của ông khi tự ý mở điện thoại chụp lại màn hình tin nhắn điện thoại. Mặc dù quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nhưng ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với bà C

Về con chung: trường hợp ly hôn, ông tôn trọng quyết định của cháu M vì hiện nay cháu đã trên 07 tuổi.

Về tài sản chung: quá trình chung sống có một số tài sản chung và đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng nhưng chưa giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Về nợ chung: quá trình chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 12/6/2024 cháu Vương Đức m trình bày: nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ vì mẹ là người chăm sóc cháu hàng ngày, đưa cháu đi học, dạy cháu học.

Tại biên bản hoà giải ngày 11/7/2024 ông Vương Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với bà C. Ngoài ra, bà C và ông T còn thống nhất về tài sản chung sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tuy nhiên, về con chung: ông T muốn trực tiếp nghe ý kiến của cháu M việc muốn sống chung với bố hay sống chung với mẹ. Bà Đinh Thị C1 đề nghị trong trường hợp bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu M sẽ không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo cho các đương sự về nghĩa vụ cung vấp tài liệu chứng cứ để chứng minh điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung, theo đó bà C1 giao nộp 01 bảng thanh toán tiền lương và giấy xác nhận về điều kiện sinh hoạt của chủ nhà trọ hiện nay bà C1 đang thuê trọ; ông T không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nông Thị C và ông Vương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là xã P, huyện Q), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Bà C xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T, quá trình giải quyết vụ án ông T nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà C và thống nhất về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên cần ghi nhận ý kiến của đương sự. Về con chung, hiện nay đang ở với bà C, để đảm bảo đời sống cho các con được ổn định thì việc giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vương Đức M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Vương Văn T hiện nay đang tạm tại tổ C, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nông Thị C và Vương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là xã P, huyện Q), tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên hoà giải ngày 11/7/2024 ông Vương Văn T nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà Nông Thị C, xét thấy các đương sự tự nguyện và thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2]. Về con chung:

Quá trình chung sống bà C và ông T có 01 con chung là Vương Đức M, sinh ngày 27/10/2015 (giới tính: Nam).

Sau khi ly hôn, bà C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông T tôn trọng lựa chọn của con nhưng tại buổi hoà giải ngày 11/7/2024 ông đề nghị Toà án tạo điều kiện về thời gian để hỏi lại ý kiến của cháu M, hết thời hạn 07 ngày ông sẽ có ý kiến về vấn đề con chung. Trường hợp cháu M lựa chọn ở với bà C ông không nhất trí với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo cho các đương sự về nghĩa vụ cung vấp tài liệu chứng cứ để chứng minh điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung, theo đó bà C giao nộp 01 bảng thanh toán tiền lương và giấy xác nhận về điều kiện sinh hoạt của chủ nhà trọ hiện nay bà C đang thuê trọ; ông T không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Xét thấy bà C có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu M và bản thân cháu M cũng có nguyện vọng được ở với bà C nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Vương Đức M, sinh ngày 27/10/2015 (giới tính: Nam) cho bà Nông Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các đủ tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nông Thị C về việc không yêu cầu ông Vương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung: các đương sự thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

[3]. Về án phí:

Bà Nông Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị C về việc ly hôn với ông Vương Văn T

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị C được ly hôn với ông Vương Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cho Nông Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vương Đức M, sinh ngày 27/10/2015 (giới tính: N) đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nông Thị C về việc không yêu cầu ông Vương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nông Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000998 ngày 23/5/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Xác nhận bà Nông Thị C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền